TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2024/DS-ST

Ngày: 29 - 01 - 2024

Về việc tranh chấp *"hợp đồng vay tài sản" và tranh chấp" liên quan đến thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

2. Ông Trần Văn Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 05 năm 2023 về việc tranh chấp*"hợp đồng vay tài sản" và tranh chấp" liên quan đến thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"*theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Thi B - sinh năm: 1937. Địa chỉ: K98/9 Nguyễn Duy H, quận S, thành phố Đ. Ông Đoàn Thi B quyền cho bà Đoàn Thị Thành Nh- sinh năm: 1976 theo giấy ủy quyền số 01/08-03/2023/GUQ lập ngày 08/3/2023. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Ph- sinh năm: 1946. Địa chỉ: Số 35 đường T, tổ 26 phường H, quận Ng, thành phố Đ. Vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị Bích Th – sinh năm: 1978. Trú tại: Nhà B402, chung cư L, phường Th, quận T, thành phố Đ. Vắng mặt.

- Ông Huỳnh Trọng Ch - sinh năm: 1981. Địa chỉ: Số 35 đường T, tổ 36 phường H, quận Ng, thành phố Đ. Vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị Phương T - sinh năm: 1985. Địa chỉ: Số 35 đường T, tổ 26 phường H, quận Ng, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai người được ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Về nội dung vụ án: Giữa ông Đoàn Thi Bvà ông Huỳnh Văn Ph, bà Nguyễn Thị H (chết) là có mối quan hệ bạn bè. Vào khoảng thời gian từ năn 2008 đến 2010 ông Đoàn Thi B cho ông Huỳnh Văn Ph và bà Nguyễn Thị H mượn nhiều lần vàng gồm: Ngày 26/5/2008 ông B cho mượn 05 chỉ vàng SJC , mục đích mượn về chữa bệnh cho người thân, số vàng này đã được ông Ph và bà Hà ký hẹn ngày trả 25/5/2009 và ngày 13/02/2010 mượn 06 chỉ vàng 9T8 hiệu Thái Hòa, số vàng này được bà Nguyễn Thị H(hiện đã chết) viết cho ông B ngày 13/02/2010. Đồng thời ông bà giao cho ông Đoàn Thi B các giấy tờ gồm: 01 bảng tính giá trị bồi thường ngày 17/01/2010 và 01 bảng tính giá trị bồi thường bổ sung ngày 31/8/2010; 01 thông báo kết quả phê duyệt mức hỗ trợ và bố trí tái định cư đối với các hộ thuộc diện giải tỏa làng đá mỹ nghệ non nước tại phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng ngày 17/8/2010; 01 thông báo số 496 ngày 02/11/2010 kèm theo bảng vẽ mặt bằng. Tuy nhiên sau khi ông Bằng cần thì ông Phụng đã không hoàn trả. Đến ngày 10/3/2023 ông Đoàn Thi Blàm đơn khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn Ph và bà Nguyễn Thị H hoàn trả nhưng nay bà H đã chết thì ông yêu cầu ông Ph và Huỳnh Thị Bích Th; ông Huỳnh Trọng Chvà bà Huỳnh Thị Phương Th cùng có trách nhiệm hoàn trả số tiền 75.405.000đồng (trong đó bao gồm số tiền 38.325.000 đồng tương đương trị giá 05 chỉ vàng SJC và số tiền 37.080.000đồng tương đương với 06 chỉ vàng 9T8 Thái Hòa, giá vàng tại thời điểm ngày 29/01/2024) .

* Bị đơn ông Huỳnh Văn Ph và người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan ông Huỳnh Trọng Ch vắng mặt không có ý kiến thể hiện hồ sơ.

* Bà HuỳnhThị Phương Th và bà Huỳnh Thị Bích Th tuy vắng mặt nhưng đều có ý kiến trình bày thể hiện hồ: Xác định các bà đều là con đẻ của ông Huỳnh Văn Ph và bà Nguyễn Thị H (chết). Sinh thời bố mẹ sinh được 3 người con gồm: ông Huỳnh Trọng Ch , bà Huỳnh Thị Bích Th và bà HuỳnhThị Phương Th. Ngoài ra bố mẹ không có con riêng hay con nuôi nào khác. Ông bà Ngoại là Nguyễn V và Trần Thị Đ, ông bà ngoại chết trước bà Nguyễn Thị H. Việc cho mượn vàng cụ thể giữa ông Đoàn Thi B và bố mẹ các bà thì các bà không biết.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng về cơ bản Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này theo các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS thì thấy nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng còn bị đơn không chấp hành đúng quy định.

Tại phiên tòa KSV đề nghị Hội đồng xét xử thay đổi tư cách tố tụng của bà Thảo, ông Chung, bà Thủy từ người liên quan thành đồng bị đơn để đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án. Đồng thời, đề nghị Tòa án bổ sung thêm quan hệ "Tranh chấp liên quan đến thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" trong cùng vụ án để đảm bảo giải quyết vụ án một cách toàn diện và triệt để các nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 BLDS 2005, Điều 357, 463, 466, 615 BLDS năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Thi B, buộc ông Huỳnh Văn Ph và những người thực hiện nghĩa vụ tài sản của bà H là bà Th, ông Ch, bà Th có trách nhiệm phải thanh toán số tiền quy đổi từ vàng đã mượn của

ông Bằng theo giá vàng tại thời điểm xét xử ngày 29/01/2024 là 75.405.000 đồng. Cụ thể:

1. 05 (năm) chỉ vàng SJC = 38.325.000 đồng

2. 06 (sáu) chỉ vàng 98 Thái Hoà = 37.080.000 đồng

Đối với các giấy tờ mà vợ chồng ông Ph, bà H đã đưa cho ông B giữ làm tin khi vay mượn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho ông Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Ông Huỳnh Văn Ph và các con ông Phụng là ông Huỳnh Trọng Ch, bà Huỳnh Thị Bích Thvà bà HuỳnhThị Phương Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

[3]. Tại thời điểm thụ lý Tòa án xác định quan hệ "Tranh chấp vay tài sản". Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án xác minh được bị đơn bà Nguyễn Thị H đã chết năm 2022 (Giấy chứng tử số 205 ngày 05/12/2022 do UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng cấp) vì vậy, Tòa án xác định đưa hàng thừa kế thứ nhất của bà Hà là bà Huỳnh Thị Bích Th, ông Huỳnh Trọng Ch, bà Huỳnh Thị Phương Th vào tham gia tố tụng với tư cách thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại, đồng thời loại trừ tư cách tố tụng của bà H trong vụ án này. Đối với ông Nguyễn Vvà bà Trần Thị Đ qua tài liệu xác minh của Công an quận Ngũ Hành Sơn không có thông tin còn sống hay đã chết, tuy nhiên việc bà Thủy là cháu ruột xác nhận là đã chết trước thời điểm của bà Nguyễn Thị Hchết nên không xác định ông V, bà Đ vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

[4] Quá trình tố tụng tòa án đã xác định bà Huỳnh Thị Bích Th, ông Huỳnh Trọng Ch, bà Huỳnh Thị Phương Th với tư cách là người liên quan trong vụ án, tuy nhiên xét thấy bà Nguyễn Thị H(đã chết) tại thời điểm thụ lý được xác định với tư cách là bị đơn trong vụ án, do vậy để đảm bảo đúng các quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án cần xác định lại bà Huỳnh Thị Bích Th, ông Huỳnh Trọng Chu, bà Huỳnh Thị Phương Th với tư cách tố tụng là bị đơn trong vụ án này và đồng thời bổ sung thêm quan hệ "Tranh chấp liên quan đến thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" trong cùng vụ án để đảm bảo giải quyết vụ án một cách toàn diện và triệt để.

[3] Về nội dung vụ án: Giữa ông Đoàn Thi B và ông Huỳnh Văn Ph, bà Nguyễn Thị H (chết) là có mối quan hệ bạn bè. Vào khoảng thời gian từ năm 2008 đến 2010 ông Đoàn Thi Bcho ông Huỳnh Văn Ph và bà Nguyễn Thị H mượn nhiều lần vàng gồm: Ngày 26/5/2008 ông Bằng cho mượn 05 chỉ vàng SJC , mục đích mượn về chữa bệnh cho người thân, số vàng này đã được ông Ph và bà Hà ký hẹn ngày trả 25/5/2009 và ngày 13/02/2010 mượn 06 chỉ vàng 9T8 hiệu Thái Hòa, số vàng này được bà Nguyễn Thị H(hiện đã chết) viết cho ông B ngày 13/02/2010. Đồng thời ông bà giao cho ông Đoàn Thi B các giấy tờ liên quan đến giải tỏa đền bù giải tỏa đất. Đến ngày 10/3/2023 ông Đoàn Thi Blàm đơn khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn Ph và bà Nguyễn Thị H hoàn trả nhưng nay bà Hà đã chết thì ông yêu cầu ông Phụng vàHuỳnh Thị Bích Thủy; ông Huỳnh Trọng Ch và bà Huỳnh Thị Ph Th cùng có trách nhiệm hoàn trả số tiền 75.405.000đồng (trong đó bao gồm số tiền 38.325.000 đồng tương đương trị giá 05 chỉ vàng SJC và số tiền 37.080.000đồng tương đương với 06 chỉ vàng 98Thái Hòa, giá vàng tại thời điểm ngày 29/01/2024) .

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Tại các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện bao gồm: Đối với Giấy mượn vàng ngày 26/5/2008 mà vợ, chồng ông Ph, bà H đã ký mượn vàng của ông Đoàn Thi B với số lượng 05 chỉ vàng hiệu SJC. Quy đổi ra tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử ngày 29/01/2024 là 5x 7.665.000 đồng = 38.325.000 đồng, xét thấy: Đây là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" giữa ông B với vợ chồng ông Ph, bà H. Bởi lẽ, giấy mượn tiền đều có chữ ký của vợ chồng ông Ph, bà H. Mục đích vay vàng là để chi trả chữa bệnh cho người thân. Giấy mượn tiền cũng có sự cam kết trả lại vàng cho ông Bkhi ông đòi lại. Tại giấy mượn vàng trên, ông Ph có ghi thêm xin gia hạn thời gian trả nợ ngày 25/5/2009 và ký tên. Xác nhận việc giao dịch dân sự của các bên được thiết lập trên cơ sở tự nguyện, đến nay ông Bằng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng phía ông Ph, bà Hà không thực hiện nên yêu cầu khởi kiện đòi trả tài sản của ông B là có cơ sở. Vì bà Hà đã chết nên đối với quan hệ vay mượn này, hàng thừa kế thứ nhất của bà Hà là ông Ph, bà Th, ông Ch và bà Th có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại trong phạm vi di sản do bà H để lại.

Đối với Giấy mượn vàng ngày 13/02/2010 mà bà H đã ký mượn vàng của ông Đoàn Thi B với số lượng: 06 chỉ vàng 98 hiệu Thái Hòa; Quy đổi ra tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử ngày 29/01/2024 là 6x 6.180.000 đồng = 37.080.000 đồng, xét thấy: Giấy mượn vàng này chỉ có bà Hà là ký, nội dung cũng chỉ có bà H là người đứng vay của ông B. Theo đó, từ thời điểm nợ đến nay bà H cũng chưa thực hiện trả nợ. Tuy nhiên, việc mượn vàng là trong thời kỳ hôn nhân, ông Ph không có ý kiến gì về nợ riêng trong quá trình giải quyết vụ án, vì bà H đã chết nên xác định đây là "Tranh chấp liên quan đến nghĩa vụ tài sản do người chết để lại", theo đó ông Phụng, ông Chung, bà Thảo, bà Thủy là thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên theo Điều 615 BLDS thì ông Ph, ông Ch, bà Th và bà Th sẽ có trách nhiệm thực hiện trách nhiệm trả nợ trong phạm vi di sản do bà H để lại.

Xét thấy, các giấy mượn vàng trên không có thỏa thuận về lãi, các bên ký kết là giữa ông B và ông Ph, bà H đều ghi mục đích mượn vàng là để chữa bệnh cho người

thân của ông Ph và bà H, thời điểm vay mượn đều trong thời kỳ hôn nhân. Về phía ông bà Ph, H cũng đã giao cho ông Đoàn Thi B các giấy tờ làm tin là 01 bảng tính giá trị bồi thường ngày 17/01/2010 và 01 bảng tính giá trị bồi thường bổ sung ngày 31/8/2010; 01 thông báo kết quả phê duyệt mức hỗ trợ và bố trí tái định cư đối với các hộ thuộc diện giải tỏa làng đá mỹ nghệ non nước tại phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng ngày 17/8/2010; 01 thông báo số 496 ngày 02/11/2010 kèm theo bảng vẽ mặt bằng, được nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ cho việc giao dịch vay mượn của các bên. Theo quy định tại Điều 471 BLDS 2005 (Điều 463 BLDS 2015) thì đến hạn trả, bên vay có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số: 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán là hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lại tài sản vàng được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của vàng SJC và tiệm vàng Thái Hòa tại địa phương tại thời điểm xét xử vụ án như nêu trên là có căn cứ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, ông Phụng, bà Hà đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ông B. Ông Ph có hẹn sẽ trả khi nào ông B cần đòi lại, tuy nhiên đến nay mặc dù ông B đã nhiều lần đòi lại số vàng nhưng ông Phụng vẫn không chịu trả. Do vậy, ông Bằng yêu cầu ông Huỳnh Văn Ph, bà Huỳnh Thị Bích Thủy, ông Huỳnh Trọng Chung và bà Huỳnh Thị Phương Thcùng có trách nhiệm hoàn trả số vàng đã mượn được quy đổi thành tiền là 75.405.000đồng (trong đó bao gồm số tiền 38.325.000 đồng tương đương trị giá 05chỉ vàng SJC và số tiền 37.080.000 đồng tương đương với 06 chỉ vàng 98Thái Hòa, giá vàng tại thời điểm xét xử) là có cơ sở được chấp nhận

- Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ được chấp nhận.

Án phí tranh chấp dân sự là 3.770.250 đồng ông Huỳnh Văn Ph , bà Huỳnh Thị Bích Th; ông Huỳnh Trọng Ch và bà Huỳnh Thị Phương Th cùng chịu.

- Ông Đoàn Thi Bthuộc diện được miễn nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện " tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và "Tranh chấp liên quan đến thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" của ông Đoàn Thi B đối với ông Huỳnh Văn Ph, bà Huỳnh Thị Bích Thủy, ông Huỳnh Trọng Ch và bà Huỳnh Thị Phương Th.

Xử: Tuyên buộc ông Huỳnh Văn Ph, bà Huỳnh Thị Bích Th,ông Huỳnh Trọng Ch và bà Huỳnh Thị Phương Th phải có trách nhiệm trả cho ông Đoàn Thi B số tiền 75.405.000đồng (trong đó bao gồm số tiền 38.325.000 đồng tương đương trị giá 05chỉ vàng SJC và số tiền 37.080.000 đồng tương đương với 06 chỉ vàng 98 Thái Hòa, giá vàng tại thời điểm xét xử 29/01/2024).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí tranh chấp dân sự là 3.770.250 đồng ông Huỳnh Văn Ph, bà Huỳnh Thị Bích Th, ông Huỳnh Trọng Ch và bà Huỳnh Thị Phương Th cùng chịu.

(Riêng ông Huỳnh Văn Ph là người cao tuổi tuy nhiên ông không có đơn đề nghị được miễn án phí nên không xem xét).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yiết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lương Thị Anh